

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 5 năm 2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Phụng

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Tám; Ông Nguyễn Văn Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2023/TLST-HNGĐ ngày 08-02-2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24-4-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2023/QĐST-HPT ngày 09-5-2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm: 1986. (Xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Võ Công T, sinh năm: 1981. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A đường V, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị H và anh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 quyền số 01 ngày 26-6-2008, kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Sau kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Từ năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không quan tâm, chăm sóc vợ con, anh T thường xuyên bỏ gia đình đi xa không nói cho chị H biết, vợ chồng bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung dẫn đến

vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay chị H không còn tình cảm với anh T, nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho C và anh T được ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là cháu Vũ Công M, sinh ngày 01-6-2005 và cháu Vũ Hoàng N, sinh ngày 20-10-2013. Chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu M, cháu N, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000đ/tháng/02 con cho đến khi mỗi cháu M, cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Đối với bị đơn là anh Vũ Công T1: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T1 đến Tòa án làm việc nhưng anh T1 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của anh T1 tại Công an P, thành phố V thì anh T1 có đăng ký cư trú tại 1755/13 đường V, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh T1 theo quy định pháp luật.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn có xin giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định giữa chị H và anh T1 có mâu thuẫn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, chị H không còn tình cảm với anh T1. Chị H và anh T1 có hai con chung là cháu Vũ Công M, sinh ngày 01-6-2005 và cháu Vũ Hoàng N, sinh ngày 20-10-2013. Chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu M, cháu N điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu M, cháu N nên giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho chị H và anh T1 được ly hôn, về con chung chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu M, cháu N, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi hai con là 5.000.000đ/tháng/02 con, về tài sản chung, nợ chung đề nghị không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bị đơn anh Vũ Công T1, có địa chỉ tại số A đường V, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình có quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đối với nguyên đơn chị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn anh T1 Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt tại

phiên tòa không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T1 tự nguyện kết hôn và được UBND xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 quyền số 01 ngày 26-6-2008, kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Chị H trình bày nguyên nhân là mâu thuẫn về kinh tế, anh T1 không quan tâm, chăm sóc vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Chị H đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng anh T1 không thay đổi, thường xuyên đi xa vắng nhà mà không cho chị H biết dẫn đến mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02-2023 cho đến nay.

[2.2] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh T1 vắng mặt nên không lấy được lời khai của anh T1. Căn cứ Biên bản xác minh ngày 26-4-2023 có nội dung: Hiện nay chị H và anh T1 không còn chung sống với nhau, anh T1 chuyển đi nơi khác ở. Như vậy, chị H trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân là có thật. Từ đó thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị H và anh T1 không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và nay chị H không còn tình cảm với anh T1, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H ly hôn với anh T1.

[3] Về con chung: hai con chung là Vũ Công M, sinh ngày 01-6-2005 và cháu Vũ Hoàng N, sinh ngày 20-10-2013, chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu M, cháu N, xét thấy chị H chăm sóc con chung từ nhỏ đến nay kể cả khi vợ chồng sống ly thân thì cháu M, cháu N ở với chị H do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu M, cháu N.

Theo đơn khởi kiện ngày 23-11-2022 chị H yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi hai con là 5.000.000đ/tháng/02 con cho đến khi hai cháu M, cháu N đủ 18 tuổi, tuy nhiên chị H thay đổi không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi cháu M, chỉ yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi cháu N là 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Xét thấy, chị H thay đổi không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi cháu M là tự nguyện nên Hội xét xử không xem xét. Đối với yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi cháu N là 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là phù hợp với chi phí ăn, học, nhu cầu thiết yếu để cháu N được chăm sóc, phát triển về thể chất, học tập, do đó chấp nhận yêu cầu của chị H buộc anh T1 phải cấp dưỡng nuôi cháu N là 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu số tiền là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Vũ Công T1 ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai Vũ Công M, sinh ngày 01-6-2005 và cháu Vũ Hoàng N, sinh ngày 20-10-2013, anh T1 phải cấp dưỡng nuôi cháu N là 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh T1 được quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ, thì hàng tháng phải trả thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.*

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003782 ngày 08-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. VT;
- Chi Cục THA DS Tp.VT;
- UBND P.Rạch Dừa, Tp. VT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Ngô Thị Phụng**



